

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20 – 8 – 2020

*“V/v tranh chấp HN&GD – Ly hôn,
nuôi con và chia tài sản”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Dũng;

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Điệp;

2. Ông Châu Quốc Tuấn.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ngọc Thảo - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 03 và ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 324/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp An Quới, xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh **Trần Đăng P**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khóm Mỹ Tây, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có mặt; anh P vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2020; biên bản hòa giải ngày 10/7/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh P qua mai mối và tiến tới hôn nhân vào năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh P bắt đầu chơi cờ bạc, không quan tâm đến gia đình, không chăm lo con cái và vợ chồng thường hay bất hòa, cãi nhau về vấn đề kinh tế, dần dần vợ chồng không còn tiếng nói chung nên vợ chồng

đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, không ai quan tâm đến ai và cũng không ai muốn hàn gắn tình cảm với nhau. Nhận thấy, không còn tình cảm với anh P và không thể chung sống với nhau nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị P Thùy, sinh ngày 09/09/1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trần Thuận Th, sinh ngày 31/10/2004. Trong đơn khởi kiện, chị T trình bày Thuận Th đang sống với chị T là do khi đánh đơn chị T sai sót, trên thực tế Thuận Th đang sống với cha. Đồng thời, trong đơn khởi kiện chị T yêu cầu khi ly hôn được nuôi dưỡng con chung Trần Thuận Th và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị T đồng ý để anh P tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Thuận Th và chị T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 10/7/2020 anh Trần Đăng P trình bày:

- Về hôn nhân: Anh P thống nhất vợ chồng qua mai mối và tiến tới hôn nhân năm 1998, không đăng ký kết hôn như lời trình bày của chị T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, cho đến tháng 10/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng mọi quan điểm, thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Tuy nhiên, anh P không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với chị T và mong muốn được hàn gắn tình cảm với chị T.

- Về con chung: Anh P thống nhất có 02 con chung tên Trần Thị P Thùy, sinh ngày 09/09/1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trần Thuận Th, sinh ngày 31/10/2004; hiện Thuận Th đang sống với anh P. Khi ly hôn, anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Thuận Th và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

1. Giấy khai sinh Trần Thị P Thùy (Bản sao);
2. Giấy khai sinh Trần Thuận Th (Bản sao);
3. Giấy CMND và sổ hộ khẩu tên Trần Thị Thanh T (Bản photo).

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 10/7/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị Thanh T có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Trần Đăng P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung”*.

Anh Trần Đăng P là người bị kiện có địa chỉ tại khóm Mỹ Tây, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh P. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh P qua mai mối và tự nguyện chung sống với nhau, mặc dù việc sống chung của anh chị đều được hai bên gia đình thừa nhận, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“ 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....”*; và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cũng quy định: *“ Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này....”*. Do chị T và anh P không đăng ký kết hôn và chị T thừa nhận không còn tình cảm, không muốn sống chung với anh P. Vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận chị Trần Thị Thanh T và anh Trần Đăng P là vợ chồng.

- Về con chung: Chị T và anh P thừa nhận vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị P Th, sinh ngày 09/09/1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trần Thuận Th, sinh ngày 31/10/2004; hiện Thuận Th đang sống với anh P. Tại văn bản ghi ý kiến ngày 10/7/2020, cháu Thuận Th có nguyện vọng được sống với cha là anh Trần Đăng P khi cha mẹ ly hôn và anh P cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Thuận Th. Tại phiên hòa giải, chị T và anh P thống nhất thỏa thuận là anh P được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Thuận Th, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện và không vi phạm pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận này.

Chị Trần Thị Thanh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh P thống nhất không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án:

Chị Trần Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003805 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Trần Thị Thanh T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Thanh T và anh Trần Đăng P là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thị Thanh T và anh Trần Đăng P như sau:

Anh Trần Đăng P được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Thuận Th, sinh ngày 31/10/2004. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh P không có yêu cầu.

Đối với con chung tên Trần Thị P Th, sinh ngày 09/09/1998 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Chị Trần Thị Thanh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh P thống nhất không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

4. Về án phí:

Chị Trần Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003805 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đối với anh Trần Đăng P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Huỳnh Trung Dũng